TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2024/DS-ST
Ngày: 17/4/2024
V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Thu Thủy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lâm Huỳnh Đệ
2. Ông Nguyễn Hoàng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quốc Thiên Hương, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn M, gọi tắt là "M"; địa chỉ: Tầng 2, số 81 đường C, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: 261-263 đường P, Phường N, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Mai Thị L, sinh năm 2001 là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 621/2023/POA ngày 06/11/2023), (có đơn xin vắng mặt);

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị Ngọc D, sinh năm 1966; Địa chỉ: 49/36 đường A, Phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện nhận được ngày 22/05/2023, các bản tự khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, trình bày:

Ngày 13/9/2016, bà Đặng Thị Ngọc D có ký Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10856160 với Công ty TNHH Một thành viên Tài chính P (nay đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH Một thành viên S, gọi tắt là "S"). Bà D vay số tiền là 70.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 28%/năm. Ngày 09/9/2022, S ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC với Công ty TNHH M, gọi tắt là "M" để chuyển nhượng cho M nhiều hợp đồng tín dụng cùng khoản nợ tương ứng bao gồm Hợp đồng tín dụng số 10856160. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến thời điểm ngày 08/03/2023, bà D còn nợ số tiền 271.092.617 đồng *(Hai trăm bảy mươi mốt triệu không trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm mười bảy đồng)* trong đó, số tiền nợ gốc là 68.368.600 đồng, tiền lãi quá hạn tạm tính là 43.858.000 đồng và lãi phạt chậm thanh toán là 156.163.317 đồng. Ngày 17/4/2024, M có bản tự khai yêu cầu, buộc bà D thanh toán một lần toàn bộ số tiền 228.847.587 đồng *(Hai trăm hai mươi tám triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm tám mươi bảy đồng)* trong đó nợ gốc 68.368.600 đồng, lãi trong hạn là 56.627.083 đồng và lãi quá hạn tạm tính từ ngày 05/10/2020 đến ngày 17/4/2024 là 103.851.903 đồng. Công ty TNHH M yêu cầu bà Đặng Thị Ngọc D thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 17/4/2024 là 228.847.587 đồng, bà D có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng cá nhân đã ký kết.

* Đối với bị đơn – bà Đặng Thị Ngọc D vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên thẩm phán đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Hợp đồng ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay tài sản do các bên tự nguyện thỏa thuận. Việc bà Đặng Thị Ngọc D không thực hiện việc trả nợ đúng kỳ hạn là vi phạm nghĩa vụ hợp đồng. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Đặng Thị Ngọc D phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M với số tiền là: 228.847.587 đồng (bao gồm tiền vốn là: 68.368.600 đồng và tiền lãi trong hạn là 56.627.083 đồng và lãi quá hạn tạm tính từ ngày 05/10/2020 đến ngày 17/4/2024 là 103.851.903 đồng), bà D có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng cá nhân đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

[1] Về tố tụng:

** Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Tranh chấp giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn M và bà Đặng Thị Ngọc D là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo Kết quả cung cấp thông tin của Công an Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn bà Đặng Thị Ngọc D, sinh năm1966 có hộ khẩu thường trú tại 49/36 đường A, Phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh hiện không cư trú tại địa phương, bà D đi không trình báo và hiện không rõ nơi cư trú của bà D. Do đó, căn cứ vào khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ tại Quận 11 là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11.

** Về người tham gia tố tụng:* Đại diện nguyên đơn bà Mai Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Đặng Thị Ngọc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên đến lần xét xử lần thứ hai bà D vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu nguyên đơn:

** Xét về khoản nợ gốc:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn M yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là: 68.368.600 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, bản tự khai phần trình bày của nguyên đơn cũng như ý kiến của bị đơn thể hiện: giữa là Công ty TNHH Một thành viên Tài chính P (nay đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH Một thành viên S) và bà Đặng Thị Ngọc D có ký Hợp đồng tín dụng số 10856160 để vay số tiền 70.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng lãi suất thỏa thuận là 28%/năm. Thời hạn vay từ ngày 13/09/2016 đến ngày 13/09/2018 đây xác định là có hợp đồng vay có thời hạn.

Sau khi ký hợp đồng bà D đã được giải ngân số tiền: 70.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà D đã thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên S tổng số tiền là 4.690.000 đồng. Từ lúc bà D thanh toán kỳ 3 (ngày 05/11/2016) đến lúc nguyên đơn khởi kiện là hơn 7 năm bà D đã không thanh toán cho nguyên đơn theo như thỏa thuận đã cam kết là vi phạm Khoản 8.1a Điều 8 Bản Điều khoản cơ bản Hợp đồng tín dụng cá nhân ngày 13/09/2016 nên căn cứ vào Khoản 8.2 Điều 8 Bản Điều khoản cơ bản Hợp đồng tín dụng cá nhân ngày 13/09/2016 nguyên đơn được quyền chấm dứt hợp đồng và thu hồi nợ trước hạn và hoàn toàn phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 428 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC ngày 09/9/2022 được ký kết giữa bên bán nợ là Công ty Tài chính TNHH Một thành viên S và bên mua nợ là Công ty TNHH M. Theo đó, Công ty Tài chính TNHH Một thành viên S đã chuyển nhượng cho Công ty TNHH M nhiều hợp đồng tín dụng cùng khoản nợ tương ứng, trong đó bao gồm Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10856160 ngày 13/09/2016. Căn cứ Điều 13 Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 07 năm 2015, Điều 14 Thông tư 18/2022/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN, Điều 11 Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10856160 ngày 13/09/2016 thì Công ty TNHH M có toàn quyền thu hồi khoản nợ trên.

Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc 68.368.600 đồng là có cơ sở chấp nhận.

* *Xét về lãi vay*: Ngày 13/09/2016 bị đơn ký Hợp đồng tín dụng số 10856160 để vay nguyên đơn số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 28%/năm, tính đến ngày 17/04/2024, số tiền lãi trong hạn nguyên đơn yêu cầu là 56.627.083 đồng và số tiền lãi quá hạn là 103.851.903 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy việc các bên thỏa thuận mức lãi như trên là phù hợp với Khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điểm c Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn – bà Đặng Thị Ngọc D phải thanh toán số tiền lãi trong hạn còn nợ cho nguyên đơn, lãi trong hạn theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là 56.627.083 đồng và nợ lãi quá hạn là 103.851.903 đồng theo bảng tính lãi nộp ngày 17/4/2024 là phù hợp và có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn M được chấp nhận, vậy nên bị đơn bà Đặng Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.442.379 đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.777.316 đồng *(Sáu triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm mười sáu đồng)* cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M theo biên lai số AA/2021/0021309 ngày 07/07/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 428 Bộ Luật dân sự năm 2015

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Căn cứ Điều 13 Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 07 năm 2015;

- Căn cứ Điều 14 Thông tư 18/2022/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN;

- Căn cứ Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn M.

Buộc bà Đặng Thị Ngọc D phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M số tiền là 228.847.587 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm tám mươi bảy đồng). Trong đó nợ gốc là: 68.368.00 đồng, tiền lãi trong hạn là: 56.627.083 đồng và nợ lãi tính từ ngày 05/10/2020 đến ngày 17/4/2024 là: 103.851.903 đồng. Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Đặng Thị Ngọc D có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc còn thiếu tính từ ngày 18/4/2024 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 10856160 ngày 13/09/2016.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Thị Ngọc D phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 11.442.379 đồng (Mười một triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi chín đồng), nộp tại Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.777.316 đồng (Sáu triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm mười sáu đồng) cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M theo biên lai số AA/2021/0021309 ngày 07/07/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Thị Thu Thủy